

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ Lâm Văn Tương
đến Quốc lộ 19 mới).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quyết toán hoàn thành công trình Phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do GPMB thực hiện dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn Lâm Văn Tương đến QL 19 mới);

Theo Thông báo số 459/TB-KVIII ngày 06/12/2021 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III về việc Thông báo Kết quả kiểm toán tại Ban Quản lý Dự án Giao thông tỉnh;

Theo Báo cáo Kết quả Kiểm toán độc lập số 52a/2022/BCKT-AVN ngày 19/8/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam về việc Báo cáo Quyết toán DAHT dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ Lâm Văn Tương đến Quốc Lộ 19 mới);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 46/TTr-STC ngày 16/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Dự án: Đường Điện Biên Phủ nối dài (Đoạn từ Lâm Văn Tương đến Quốc lộ 19 mới).
- Chủ đầu tư: Ban QLDA Giao thông tỉnh.
- Đơn vị thực hiện bồi thường, GPMB: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: Thành phố Quy Nhơn.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 – 2021.
- Thời gian thực hiện, hoàn thành: 12/11/2018 - 16/11/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư
1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

TT	Nội dung	Dự toán duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán
Tổng cộng chi phí		116.677.998	101.197.689
I	Chi phí bồi thường GPMB	4.809.462	4.809.462
I	Chi phí xây dựng	90.973.329	87.858.046
1	Gói thầu xây lắp số 1		61.095.596
	Công ty TNHH XD Tấn Thành		53.015.771
	Công ty CP XD Công trình 510		6.003.039
	Công ty TNHH Hùng Phát		2.076.786
2	Gói thầu xây lắp số 2		26.762.450
	Công ty TNHH Nhật Minh		26.762.450
II	Chi phí quản lý dự án	1.596.271	1.596.271
III	Chi phí tư vấn đầu tư	6.648.074	5.544.293
1	CP khảo sát địa hình, địa chất (Lập BC NCKT)	242.287	220.261
2	Chi phí lập BC NCKT	231.231	231.231
3	CP khảo sát địa hình, địa chất bổ sung (bước Lập BC NCKT ĐC, BS)	310.633	280.456
	Chi phí lập BC NCKT ĐC, BS	187.000	187.000
	Chi phí lập BC NCKT ĐC, BS (HM mặt đường và điện chiếu sáng)	27.758	27.758
4	CP khảo sát địa hình, địa chất (bước TK BVTC-DT)	333.275	299.616
5	Chi phí TK BVTC-DT	692.805	692.805
	CP khảo sát địa hình, địa chất bổ sung (HM cầu Sông Dinh)	421.613	420.966
	Cp TK BVTC-DT bổ sung (HM Cầu Sông Dinh)	578.875	578.875
	Cp TK BVTC-DT bổ sung (HM mặt đường và điện chiếu sáng)	62.493	62.493
6	CP thẩm tra TK xây dựng	53.298,874	53.298
7	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	51.078,088	51.078
	Cp thẩm tra thiết kế bổ sung (HM cầu Sông Dinh)	37.090	37.090

	Chi phí thẩm tra dự toán bổ sung (HM cầu Sông Dinh)	35.544	35.544
	CP thẩm tra thiết kế xây dựng bổ sung (HM mặt đường và điện chiếu sáng)	4.953,091	
	Chi phí thẩm tra dự toán bổ sung (HM mặt đường và điện chiếu sáng)	4.746,712	
8	Chi phí giám sát thi công	1.004.211	795.026
	Chi phí giám sát bổ sung HM Cầu Sông Dinh	849.972,951	794.893
	Chi phí giám sát bổ sung HM mặt đường và điện chiếu sáng	102.209,101	95.585
9	Chi phí LCNT TVTK BVTC-DT		
	<i>Chi phí lập HSMT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí ĐG HSDT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định HSMT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định KQ LCNT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu</i>	<i>330</i>	<i>330</i>
10	Chi phí lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng		
	<i>Chi phí lập HSMT</i>	<i>46.479,378</i>	<i>46.479</i>
	<i>Chi phí ĐG HSDT</i>	<i>46.479,378</i>	<i>46.479</i>
	<i>Chi phí thẩm định HSMT, HS YC</i>	<i>23.239,689</i>	<i>23.239</i>
	<i>Chi phí thẩm định KQ LCNT</i>	<i>23.239,689</i>	<i>23.239</i>
	<i>Chi phí cho HĐ TVGQKN của nhà thầu</i>	<i>9.295,876</i>	<i>0</i>
	<i>Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu</i>	<i>330</i>	<i>330</i>
11	Chi phí LCNT TV giám sát		
	<i>Chi phí lập HSMT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí ĐG HSDT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định HSMT, HS YC</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định KQ LCNT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí cho HĐ TVGQKN của nhà thầu</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>
	<i>Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu</i>	<i>330</i>	<i>330</i>
12	Chi phí lựa chọn nhà thầu TV Kiểm toán độc lập		
	<i>Chi phí lập HSMT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí ĐG HSDT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí thẩm định HSMT, HS YC</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>

	<i>Chi phí thẩm định KQ LCNT</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>
	<i>Chi phí cho HĐ TVGQKN của nhà thầu</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>
	<i>Chi phí đăng tải thông tin đấu thầu</i>	<i>330</i>	<i>0</i>
13	CP thí nghiệm đối chứng kiểm định chất lượng công trình	352.946	312.380
	CP thí nghiệm đối chứng kiểm định chất lượng bổ sung	200.000	181.041
14	Chi phí Lập BC đánh giá tác động môi trường	300.000	34.471
15	Một số chi phí tư vấn khác .Chi phí lập thẩm tra đánh giá tác động môi trường	250.000	
16	CP lập thẩm tra thẩm định ATGT	150.000	
V	Chi phí khác	5.723.983	1.389.617
1	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	477.376	472.742
2	Chi phí hạng mục chung	3.547.190,326	
	Chi phí hạng mục chung bổ sung (HM mặt đường và điện chiếu sáng)		
	Thảm mặt đường bê tông nhựa	122.637,428	
	Hệ thống điện chiếu sáng	85.764,516	
3	Phí thẩm định DADT	14.884,480	14.880
4	Chi phí bảo hiểm công trình	148.269	148.269
	Chi phí bảo hiểm bổ sung cho HM Sông Dinh	270.309,419	235.175
	CP bảo hiểm công trình phần bổ sung HM mặt đường và điện chiếu sáng	14.446,516	
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	23.019,311	
	CP thẩm định TK BTC bổ sung HM Cầu Sông Dinh	9.751,422	9.751
	Cp thẩm định DT bổ sung HM cầu Sông Dinh	9.322,359	9.322
	CP thẩm định TK BVTC HM bổ sung HM mặt đường và điện chiếu sáng	1.172,607	
	Chi phí thẩm định dự toán bổ sung HM mặt đường và điện chiếu sáng	1.829,267	
6	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	228.895,783	110.509
7	Chi phí kiểm toán độc lập	769.114,847	388.969
VI	Dự phòng chi	6.926.879	

2. Nguồn vốn đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Dự toán lần cuối	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
Tổng cộng chi phí	116.677.998	101.197.689	101.419.004	110.509	331.824
Vốn cấp quyền sử dụng đất. Trong đó:			101.419.004		
Chi phí xây dựng		87.858.046	88.189.870	0	331.824
Chi phí khác (thăm tra QT)		110.509	0	110.509	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 4.809.462.000 đồng (phần do Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh làm chủ đầu tư đã được Phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh).

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			96.388.227	96.388.227
Tài sản dài hạn (tài sản cố định).			96.388.227	96.388.227

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 101.197.689.000 đồng (Một trăm lẻ một tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	101.197.689.000	
1) Đã bố trí : Vốn đầu tư công NST: Vốn cấp quyền sử dụng đất	101.419.004.000	
2) Vốn đã nộp ngân sách	331.824.000	
3) Vốn còn thanh toán tiếp:	110.509.000	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (25/8/2022) là:

- Tổng nợ đã thu (Chi phí xây lắp) : 331.824.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả (Chi phí khác: Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán): 110.509.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/ cố định	Tài sản ngắn hạn
Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn	96.388.227.000	

* Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 4.809.462.000 đồng (phần do Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh làm chủ đầu tư đã được Phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 28/8/2020 của UBND tỉnh).

Điều 4. Đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng